

(Mẫu phụ lục số 04 Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ KHOÁNG SẢN HÀ GIANG **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 03/BC-HGM

Hà Giang, ngày 24 tháng 03 năm 2017

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ
KHOÁNG SẢN HÀ GIANG
(Năm 2016)**

I. GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY

1. Thông tin về Công ty cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang

- Tên công ty: Công ty cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang.
- Tên tiếng Anh: Hà Giang Mineral and Mechanics Joint Stock Company.
- Tên Giao dịch quốc tế: HaGiang Mining.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5100101762
- Vốn điều lệ: 126.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 126.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: số 390, đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang
- Số điện thoại: 02193 866708, 02193 867533
- Số fax: 02193 867068
- Website: www.hgm.vn
- Mã cổ phiếu: HGM

2. Các lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính:

- Tổ chức thăm dò và chế biến các loại khoáng sản;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Sản xuất, gia công các mặt hàng cơ khí, xây dựng và lắp đặt các công trình điện vừa và nhỏ có cấp điện áp đến 35 KV;
- Tổ chức các dịch vụ kinh doanh xuất nhập khẩu;
- Xây dựng và lắp đặt các công trình công nghiệp, giao thông và xây dựng.

3. Tầm nhìn, sứ mệnh và định hướng phát triển;

- Tầm nhìn: Trở thành một trong những Công ty sản xuất và cung cấp Antimon kim loại hàng đầu ngoài Trung Quốc.
- Sứ mệnh: Xây dựng thương hiệu HGM thành thương hiệu mạnh và có uy tín đối với các nhà đầu tư trong và ngoài nước.
- Định hướng phát triển:

Đối với sản xuất:

- Đầu tư hoàn thiện dây chuyền tuyển quặng Antimon để tận thu tài nguyên khoáng sản;
- Đầu tư hoàn thiện dây chuyền thiêu, luyện để nâng cao hiệu suất thu hồi;

- Tổ chức thăm dò, nâng cấp trữ lượng mỏ quặng Antimon Mậu Duệ đưa vào khai thác phục vụ nguyên liệu cho Nhà máy Luyện;
- Mở rộng thị trường tiêu thụ và tăng cường công tác thu mua quặng hàm lượng cao hỗ trợ nguyên liệu cho Nhà máy Luyện.

Đối với tổ chức và bộ máy điều hành:

- Xây dựng bộ máy tổ chức với cơ chế phân cấp mạch lạc, rõ ràng;

Đối với nguồn nhân lực

- Tăng cường đào tạo, nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ;
- Đổi mới, hoàn thiện cơ chế sử dụng lao động, cơ chế trả lương;
- Thực hiện tốt quy chế lao động và xây dựng văn hóa doanh nghiệp.

Đối với công nghệ, máy móc thiết bị

- Nghiên cứu và ứng dụng những công nghệ mới trong sản xuất nhằm nâng cao hiệu suất thu hồi quặng.
- Đầu tư trang thiết bị máy móc mới để nâng cao năng suất lao động.

4. Những chặng đường phát triển

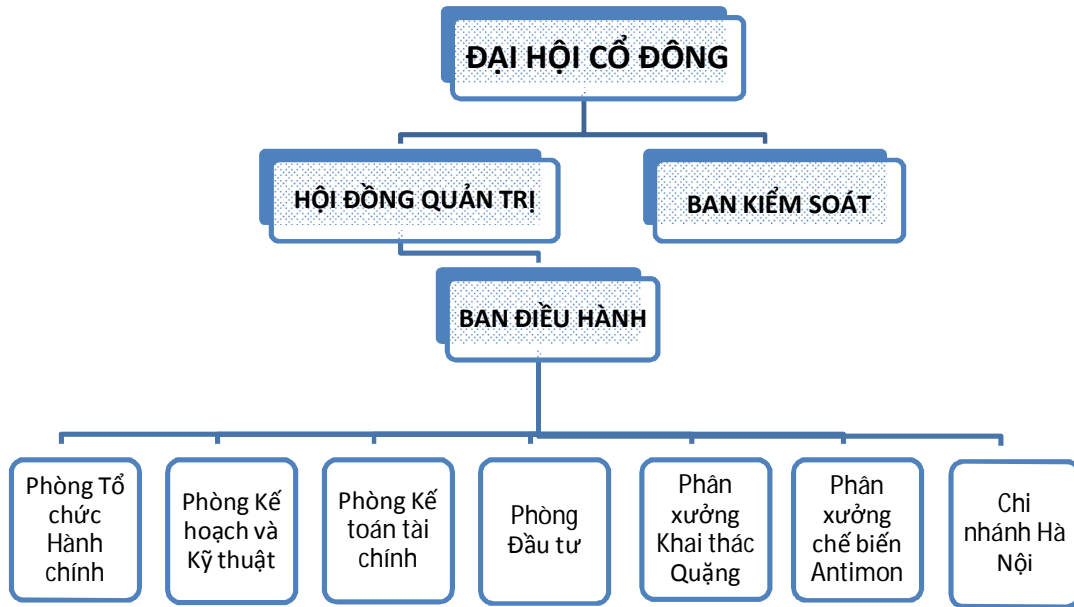
- **Năm 1995**, Xí nghiệp Cơ khí Hà Giang, tiền thân của Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang được hợp nhất với Công ty Khai thác và Chế biến Khoáng sản Hà Giang thành Công ty Cơ khí và Khai thác Khoáng sản Hà Giang trực thuộc Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Giang
- **Năm 1996**, Công ty Cơ khí và Khai thác Khoáng sản Hà Giang được cấp giấy phép khai thác khoáng sản quặng antimon tại mỏ Mậu Duệ, xã Mậu Duệ, Yên Minh, Hà Giang
- **Năm 2002**, Dây truyền tuyển quặng antimony cho ra sản phẩm đầu tiên.
- **Năm 2003**, Công ty Cơ khí và Khai thác Khoáng sản Hà Giang nhận giấy phép khai thác tận thu khoáng sản Chì Kẽm tại điểm quặng tại xã Minh Sơn, huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang.
- **Năm 2004**, Sản phẩm của công ty đoạt Huy chương Vàng sản phẩm kim loại Antimon tại Hội chợ Triển lãm Thương mại Quốc tế EXPO, giải thưởng chất lượng Vàng Việt Nam và nhiều giải thưởng khác.
- **Năm 2005**, Công ty Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang được cổ phần hóa theo Quyết định số 2050/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Hà Giang.
- Xí nghiệp hợp doanh Hà Vân ra đời là kết quả hợp tác giữa Công ty Hữu hạn Kinh mậu Chúng Thao Vân Nam (Trung quốc) và Công ty Cơ khí và khai thác khoáng sản Hà Giang (Việt Nam) thực hiện chức năng tuyển quặng chì, kẽm.
- **Năm 2006**, Công ty chuyển đổi hình thức hoạt động từ Doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần.
- **Ngày 21/12/2009**, cổ phiếu của Công ty được niêm yết và giao dịch lần đầu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán: HGM và số lượng cổ phiếu niêm yết là 6.000.000 cổ phiếu.
- **Năm 2012**, Thành lập Chi nhánh Hà Nội – Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang”.

- Năm 2013, Công ty phát hành cổ phiếu thưởng cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:1, nâng vốn điều lệ lên 126.000.000.000 đồng.

5. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

5.1. Mô hình quản trị

Sơ đồ tổ chức công ty Cổ Phần Cơ Khí và Khoáng Sản Hà Giang



5.2. Cơ cấu tổ chức:

Cơ cấu tổ chức của Công ty được tổ chức theo mô hình công ty cổ phần như dưới đây:

- **Đại hội đồng cổ đông:** Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất Công ty, có quyền quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Luật pháp và điều lệ Công ty quy định
- **Hội đồng quản trị:** Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của Công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội cổ đông. Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu; gồm có 7 người và thực hiện chức năng giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh, kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Công ty.
- **Ban kiểm soát:** Là cơ quan kiểm tra, giám sát toàn diện mọi hoạt động của Công ty theo Quy định tại Điều 123 Luật Doanh nghiệp 68/2014/QH14 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Ban Kiểm soát thẩm định Báo cáo tài chính hàng năm, kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến hoạt động tài chính khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông lớn. Ban kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác và hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ.
- **Ban điều hành:** do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu sự giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị. Ban điều hành chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng

quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Ban điều hành của Công ty gồm có Giám đốc, các Phó giám đốc và Kế toán trưởng.

5.3. Tình hình lao động

Tổng số lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2016 là 179 người. Bao gồm 10 dân tộc: Kinh, Tày, Giáy, Clao, Nùng, Cao Lan, Sán Chỉ, Dao, H'mông, Hoa. Hiện lao động là người dân tộc thiểu số và người địa phương chiếm khoảng 70% tổng số lao động của Công ty.

Với đặc thù là doanh nghiệp sản xuất, trong tổng số lao động 179 người: Số lao động có trình độ cao đẳng, đại học trở lên là 22 người; số lao động còn lại chủ yếu là công nhân kỹ thuật và lao động khác.

5.4. Các tổ chức đoàn thể trong Công ty

Tổ chức Đảng trong doanh nghiệp: gồm một chi bộ Đảng với 26 Đảng viên. Có Bí thư và 1 Phó Bí thư Chi bộ.

Tổ chức Công đoàn, bao gồm toàn thể CBCNV, người lao động trong công ty.

Tổ chức đoàn thanh niên: Đoàn thanh niên Công ty gồm 3 chi đoàn với 120 đoàn viên thanh niên.

6. Các rủi ro:

- **Rủi ro về pháp luật:** Lĩnh vực sản xuất và kinh doanh khoáng sản ngày càng chịu sự thắt chặt của Luật Khoáng sản, Luật Bảo vệ tài nguyên và môi trường, Luật quản lý thuế... Do vậy sự thay đổi về chính sách của Nhà nước đều ảnh hưởng đến chiến lược và kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.
- **Rủi ro về nguyên liệu đầu vào:** Khoáng sản là nguồn tài nguyên không tái tạo được, đồng thời do nguồn tài nguyên này nằm sâu dưới lòng đất nên không thể có sự thăm dò chính xác về trữ lượng tài nguyên. Do vậy những yếu tố về trữ lượng, chất lượng khoáng sản ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh của Công ty.
- **Rủi ro về thời tiết:** Do đặc thù của ngành khai thác khoáng sản là khai thác lộ thiên hoặc khai thác hầm lò do vậy ảnh hưởng của thời tiết, ví dụ như mưa nhiều đều ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động khai thác khoáng sản của Công ty.
- **Rủi ro về môi trường:** Việc khai thác và chế biến khoáng sản nhìn chung đều có ảnh hưởng đến môi trường tự nhiên do vậy hoạt động sản xuất kinh doanh rất tiềm ẩn rủi ro bị rơi vào các tranh cãi pháp lý.

7. Các hoạt động xã hội năm 2016

Là một trong những doanh nghiệp trọng điểm của tỉnh Công ty còn có rất nhiều đóng góp cho sự phát triển của ngành cũng như sự phát triển của tỉnh Hà Giang. Hiện Công ty được tỉnh phân công phụ trách xã Thắng Mố và địa bàn xã Mậu Duệ huyện Yên Minh nơi có Nhà máy đang hoạt động. Trong năm vừa qua Công ty đã tích cực vận động cán bộ công nhân lao động, các cổ đông thực hiện công tác an sinh xã hội, nhân đạo từ thiện. Tổng số tiền Công ty đã thực hiện công tác an sinh xã hội năm 2016 là: 523 triệu đồng. Trong đó CBCNV, NLD trong Công ty quyên góp ủng hộ 44,4 triệu đồng. Cụ thể:

- Nhân dịp Tết nguyên đán Bính Thân Công ty đã hỗ trợ cho các hộ gia đình chính sách, hộ nghèo thuộc xã Mậu Duệ và xã Thắng Mố, huyện Yên Minh 80 xuất quà

mỗi xuất là 300.000 đồng; ủng hộ 20 xuất quà mỗi xuất trị giá 300.000 đồng cho các nạn nhân Da cam/dioxin; ủng hộ Hội khuyết tật, quỹ Bảo trợ trẻ em phẫu thuật nụ cười cho 21 em nhỏ sút môi, hở hàm ếch có hoàn cảnh khó khăn; hỗ trợ kinh phí cho trẻ em mồ côi tại Trung tâm BTXH tỉnh; ủng hộ quỹ nạn nhân chất độc da cam 6.000.000đ; quỹ đền ơn đáp nghĩa, quỹ mái ấm Công đoàn; Quỹ vì người nghèo 5.010.000đ; hỗ trợ xây nhà tưởng niệm các anh hùng liệt sĩ tại huyện Vị Xuyên 15.000.000 đồng; hỗ trợ 11 hộ gia đình bị cháy nhà tại xã Kim Thạch, huyện Vị Xuyên 22.000.000 đồng; người lao động trong Công ty ủng hộ đồng bào miền Trung bị thiên tai lũ lụt 6.690.000đ; ...;

- Hỗ trợ cho giáo dục: Hỗ trợ cho quỹ khuyến học tỉnh, các Hội khuyến học, các trường học xã Mậu Duệ, xã Thắng Mổ và thành phố Hà Giang nhân dịp khai giảng năm học, hỗ trợ cho tổ chức các kỳ thi học sinh giỏi,..; CBCNV, NLĐ quyên góp ủng hộ Quỹ xã hội giáo dục xã Mậu Duệ 22.650.000 đồng. Tổng số tiền hỗ trợ cho giáo dục là 61.950.000 đồng;
- Từ tháng 4/2016 Chi bộ Công ty được tỉnh ủy giao giúp đỡ xã Hữu Vinh, huyện Yên Minh. Ban Chi ủy Chi bộ, Ban Giám đốc Công ty đã thường xuyên gặp gỡ với lãnh đạo, chính quyền xã để nắm bắt tình hình, cùng bàn bạc đề đưa ra những biện pháp tháo gỡ khó khăn cho địa phương, tạo điều kiện cho nhân dân phát triển kinh tế để dần thoát nghèo; số tiền Công ty làm công tác an sinh xã hội với các xã đỡ đầu là 31.250.000 đồng;
- Tham gia Chương trình xây dựng nông thôn mới: Năm 2016 Công ty hỗ trợ cho thôn Pắc Luy của xã hệ thống đường ống dẫn nước về cánh đồng cấy lúa của thôn trị giá 120.000.000 đồng; đầu tư lắp đặt hệ thống lan can đường đi từ tỉnh lộ 176 lên UBND xã Mậu Duệ trị giá 120.000.000 đồng; hỗ trợ cho quỹ phát triển giáo dục của xã, hỗ trợ bếp ăn tình thương của Phòng khám đa khoa Mậu Duệ. Số tiền hỗ trợ xây dựng nông thôn mới là: 308.650.000 đồng.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2016 là năm đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ 2016-2020 cũng là năm đặc biệt có nhiều khó khăn diễn ra đối với các hoạt động SXKD của Công ty. Sự sụt giảm giá antimon trên thị trường thế giới và tác động của chính sách thuế đã ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

TT	Chỉ tiêu	ĐV	Năm 2016	
			Kế hoạch	Thực hiện
1	Doanh thu	Trđ	75.000	94.246,49
	Trong đó:			
	- DT kim loại antimon	Trđ		87.543,6
	- DT hoạt động tài chính	Trđ		6.702,88
	- Doanh thu khác	Trđ		

2	Kim loại tiêu thụ Sản phẩm	Tấn	520	597,27
	- Kim loại antimon	Tấn	450	572,17
	- Khai thác quặng	Tấn	5.000	7.518,79
3	Lao động			
	- Lao động bình quân	người	206	
4	Quỹ lương			
	- Tổng quỹ tiền lương	Trđ	20.232	17.642
	- Thu nhập tiền lương BQ	đ/ng/t	7.931.000	7.417.200
	-Thu nhập BQ	đ/ng/t		8.547.497
5	Nộp ngân sách	Tr.đ	9.000	17.500
6	Cổ tức tối thiểu	%	10	12
7	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	15.000	17.490

Trước tác động xấu của tình hình thị trường kim loại thế giới và tác động ở trong nước, toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty vẫn nỗ lực hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được Đại hội cổ đông đề ra, các chỉ tiêu về kết quả thực hiện kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh đều vượt so với kế hoạch đề ra. Cụ thể:

- Về tiêu thụ: Tiêu thụ kim loại trong năm: 597,27 tấn kim loại, đạt 114,85% kế hoạch, đạt 111,06% so với cùng kỳ năm 2015 (537,79 tấn).

- Về doanh thu: Doanh thu bán kim loại năm 2016 đạt: 87,543 tỷ đồng, đạt 116,72% so với kế hoạch và bằng 102,77 % so với cùng kỳ năm trước.

2. Tổ chức và nhân sự:

➤ Danh sách Ban Điều hành:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Ma Ngọc Tiến	Giám đốc	40.800	0,323
2	Trịnh Ngọc Hiếu	Phó Giám đốc	245.200	1,946
3	Đào Xuân Tuất	Phó Giám đốc	149.600	1,187
4	Nguyễn Văn Biên	Phó Giám đốc	40.400	0,320
5	Đỗ Khắc Hùng	Kế toán trưởng	78.000	0,619

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

Hiện công ty có một công ty liên kết là Công ty cổ phần Khai thác, chế biến khoáng sản Hải Dương. Tại ngày 31/12/2016, Công ty sở hữu 613.116 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ sở hữu 35,7% vốn điều lệ của Công ty cổ phần khai thác, chế biến khoáng sản Hải Dương.

Ngoài công ty liên kết như trên, Công ty cổ phần cơ khí và khoáng sản Hà Giang hiện có đầu tư vào đơn vị khác là: Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng. Hiện công ty đang sở hữu 4.166.988 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ sở hữu 9,69% Vốn điều lệ của Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng.

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính:

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng/giảm
1	Tổng giá trị tài sản	275,065,213,827	250,317,888,325	0.09
2	Doanh thu thuần	85.183.276.194	87.543.607.434	-0.03
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	22.987.247.950	9.157.534.021	0.60
4	Lợi nhuận khác	-807.332.159	8.332.538.957	11.32
5	Lợi nhuận trước thuế	22.179.915.791	17.490.072.978	0.21
6	Lợi nhuận sau thuế	20.618.873.903	16.885.513.517	0.18
7	Tỷ lệ trả cổ tức	15%	>=12%	

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2016
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2.29	5.43
	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1.86	4.59
2	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	26%	15%
	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	36%	18%
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	2.19	2.90
	Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0.31	0.35
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	24.2%	19.3%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	10.2%	8.0%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	7.50%	6.75%
	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	26.99%	10.46%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu:

➤ **Cổ phần:**

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu công ty cổ phần cơ khí và khoáng sản Hà Giang;
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông;

- Mệnh giá: 10.000 đ/cp;
- Tổng số cổ phần: 12.600.000 cp;
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 679.280 cp;
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 11.920.720 cp.

➤ Cơ cấu cổ đông:

STT	Thành phần	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ
I	Cổ đông trong nước			
1	Tổ chức	03	6.276.280	49,81%
2	Cá nhân	158	4.420.640	43%
	Tổng	161	11.696920	
II	Cổ đông nước ngoài		.	
1	Tổ chức	6	203.700	1,62%
2	Cá nhân	7	20100	0,16%
	Tổng	13	223.800	
III	Cổ phiếu quỹ		679.280	5,39%
	Tổng cộng:	174	12.600.000	100%

- Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không;
- Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không;
- Các chứng khoán khác: Không.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2016 là năm Công ty chịu tác động rất nhiều khó khăn từ cả các yếu tố trong và ngoài nước. Giá kim loại antimony trên thị trường thế giới trong tháng đầu năm còn giảm xuống dưới giá thành sản xuất của Công ty. Bên cạnh đó, các chính sách quản lý của nhà nước ngày càng chặt chẽ, mức thuế tài nguyên giữ ở mức cao. Luật thuế giá trị gia tăng sửa đổi, bổ sung có hiệu lực từ ngày 01/7/2016 “ Doanh nghiệp sản xuất sản phẩm là tài nguyên, khoáng sản bao gồm cả trực tiếp khai thác hoặc mua vào để chế biến có tổng giá trị tài nguyên khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản phẩm trở lên khi xuất khẩu thì thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT” đã tác động không thuận lợi đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Mặc dù đứng trước nhiều khó khăn như vậy, các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc cùng với toàn thể người lao động trong Công ty đã nỗ lực vượt qua khó khăn. Cụ thể: để bù đắp việc doanh thu giảm sút do giá kim loại giảm, Công ty đã đẩy mạnh sản xuất, đẩy mạnh bán ra sản phẩm trong giai đoạn thị trường antimon thế giới hồi phục vào các tháng cuối năm 2016. Bên cạnh đó, Ban giám đốc tiến hành một loạt giải pháp tiết kiệm

nguyên nhiên liệu đầu vào, đồng thời nâng cao tỷ lệ thu hồi kim loại antimon trong sản xuất.

Nhờ sự nỗ lực của toàn thể lực lượng lao động của Công ty mà nên một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chính của Công ty vẫn đạt và vượt kế hoạch đề ra.

- Những tiến bộ công ty đã đạt được
- Đẩy mạnh tìm kiếm các khách hàng, ngoài các khách hàng truyền thống, công ty đã phát triển thêm các khách hàng mới.
- Tăng cường và phát huy tốt vai trò các thành viên Hội đồng quản trị trong công tác giám sát, quản trị hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Trước diễn biến theo chiều hướng xấu của thị trường antimony thế giới, Ban Lãnh đạo đã luôn báo cáo Hội đồng quản trị diễn biến thị trường antimony thế giới và tình hình Công ty để Hội đồng quản trị có những quyết định bám sát thực tế và có tính khả thi cao.
- Đối với hoạt động khai thác: Do việc khai thác ngày càng xuống sâu, lòng mong hẹp, sự phân bố quặng không đều cần phải bóc xúc một khối lượng đất đá thải lớn, HĐQT đã chỉ đạo Công ty điều chỉnh, tính toán xây dựng kế hoạch khai thác, bới tuyển và bóc xúc hợp lý để hạn chế tối đa nghèo hóa quặng vừa bảo đảm an toàn vừa cung cấp đủ lượng quặng cho sản xuất.
- Đối với hoạt động thiêu luyện: Do lượng quặng khai thác hạn chế chỉ đủ cung cấp và duy trì cho 1 cụm lò thiêu hoạt động. Dây chuyền thiết bị và công nghệ thiêu luyện đã cũ dẫn đến hiệu suất thu hồi trong sản xuất thấp. Do đó, HĐQT cùng Ban giám đốc đã chỉ đạo rà soát toàn bộ quy trình sản xuất nhằm hạn chế tối đa thất thoát quặng qua bới tuyển.

2. Tình hình tài chính:

- Tình hình tài sản:

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Năm 2015		Năm 2016	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Tài sản ngắn hạn	132.389.564.272	48.1%	133.503.312.272	53.3%
Tài sản dài hạn	142.675.649.337	51.9%	116.814.576.053	46.7%
Tổng cộng tài sản	275.065.213.609	100%	250.317.888.325	100%

Tình hình tài sản của Công ty trong năm 2016 có giảm nhẹ so với năm 2015 và tỷ trọng tài sản dài hạn năm 2016 giảm so với năm 2015 là do sự sụt giảm Giá trị tài sản dài hạn do Công ty phải trích lập dự phòng tài chính cho khoản đầu tư dài hạn.

- Tình hình nợ phải trả:

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Năm 2015		Năm 2016	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Nợ ngắn hạn	57.738.083.183	80.1%	24.571.668.114	64.3%
Nợ dài hạn	14.333.359.446	19.9%	13.647.192.882	35.7%
Tổng nợ	72.071.442.629	100%	38.218.860.996	100%

Các khoản nợ phải trả trong năm 2016 giảm mạnh so với năm 2015 chủ yếu là do sự sụt giảm của khoản Nợ ngắn hạn. Nợ ngắn hạn giảm là do giảm của khoản phải trả ngắn hạn khác bao gồm sự giảm khoản tiền Công ty tạm trích đóng góp cho địa phương để đầu tư nâng cấp, duy tu, xây dựng hạ tầng kỹ thuật và xây dựng công trình phúc lợi trên địa bàn Hà Giang được hướng dẫn thực hiện theo quy định tại Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ban hành ngày 17/11/2010 và Quyết định số 2621/2012/QĐ-UBND ngày 03/12/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang. Căn cứ vào Báo cáo tư vấn của luật sư đánh giá về tính pháp lý của Quyết định 2621 và Công văn số 109/BC-CT ngày 26 tháng 06 năm 2014 của Cục thuế tỉnh Hà Giang về việc đề nghị Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Giang xem xét báo cáo thường trực Hội đồng Nhân dân tỉnh tạm dừng thực hiện thu khoản tiền nêu trên, Công ty đã tạm dừng trích chi phí phải đóng góp cho địa phương từ 31/12/2015 đến ngày 31/12/2016, đồng thời hoàn nhập khoản chi phí phải đóng góp cho địa phương đã được Công ty trích lập đến ngày 31/12/2014. Đồng thời khoản phải nợ, phải trả ngắn hạn còn giảm do giảm khoản Trả cổ tức bằng tiền theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 03/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2016 đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2015.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Trong năm 2016, Ban Giám đốc đã bổ sung, hoàn thiện trình Hội đồng quản trị một số quy chế quản trị nội bộ và quy trình để hoàn thiện công tác quản trị điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Cụ thể: Về công tác quản trị, Công ty đã ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Quy chế phân cấp, phân quyền giữa Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc....

Về hoạt động sản xuất kinh doanh: Ban Giám đốc đã Ban hành Quy trình thiêu luyện, Quy trình mua quặng.

4. Kế hoạch phát triển tương lai:

Về kế hoạch phát triển trung và dài hạn, Công ty chủ yếu tập trung phát triển vào phát triển sản xuất và phát triển thị trường như sau:

- Đối với sản xuất: Công ty tập trung vào việc đầu tư máy móc thiết bị, cải tiến công nghệ để nâng cao năng suất lao động cho công nhân, nâng cao tỷ lệ thu hồi antimon kim loại trong quặng.

- Đối với thị trường: Ngoài các khách hàng truyền thống, Công ty đã tích cực tìm kiếm khách hàng mới, quảng bá mở rộng thương hiệu Công ty cho khách hàng quốc tế.

Năm 2017, dự báo thị trường kim loại màu thế giới năm 2017 cùng những phân tích đánh giá của các chuyên gia, giá antimon có những dấu hiệu phục hồi đáng ghi nhận nhưng vẫn chưa thể vượt qua được cuộc khủng hoảng về giá. Bên cạnh đó, năm 2016 là năm Nhà nước có những quy định, sắc lệnh mới liên quan đến ngành khai thác khoáng sản, tất cả những yếu tố trên sẽ là những khó khăn làm ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty trong năm 2017.

Trên cơ sở đánh giá triển vọng của thị trường antimon thế giới năm 2017 cùng những yếu tố chính trị, kinh tế, xã hội tác động đến hiệu quả hoạt động sản xuất của Công ty, Hội đồng quản trị cùng Ban giám đốc đã thống nhất phương hướng hoạt động của năm 2017 như sau:

- Chỉ đạo hoàn thành nhiệm vụ Hoạt động sản xuất kinh doanh do Đại hội cổ đông năm 2017 đề ra
- Chỉ đạo triển khai có hiệu quả các Nghị quyết của Hội đồng quản trị về quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh.
- Chỉ đạo thực hiện các dự án đầu tư của năm 2017: dự án nhà máy tuyển Mậu Duệ, dự án nâng mở rộng bãi thải mỏ Mậu Duệ II, dự án đầu tư mua trang thiết bị phục vụ cho hoạt động sản xuất...
- Chỉ đạo đẩy mạnh công tác đầu tư, tìm kiếm những đối tác mới
- Tìm kiếm những cơ hội đầu tư vào các dự án có hiệu quả cao

Bảng 2: Mục tiêu sản xuất kinh doanh và các chỉ tiêu tài chính

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2017	Ghi chú
1	Doanh thu	Tr. đồng	110.000	
2	Sản phẩm chủ yếu			
	-Quặng antimon khai thác hàm lượng $\geq 14\%$	Tấn	3.000	
	-Ước thiêu quặng bột antimon hàm lượng $> 6-8\%$	Tấn	6.000	
	-Sản xuất kim loại antimon	Tấn	600	
	Tiêu thụ kim loại antimon	Tấn	650	
3	Lao động	Người	179	
4	Thu nhập bình quân người lao động/tháng	Tr.đồng	7,513	
5	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	22.229	
6	Tỷ lệ chia cổ tức	%	15	

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ:

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 7 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty đang ghi nhận khoản đầu tư tài chính vào Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016 với giá gốc là 69.469.880.000 VND và trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn với số tiền là 12.833.747.485 VND. Chúng tôi không thu thập được Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng; các thủ tục kiểm toán thay thế cũng không cung cấp cho chúng tôi đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp đối với giá trị của khoản đầu tư tài chính này tại ngày 31/12/2016. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu này và dự phòng tương ứng hay không.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 18 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty có nghĩa vụ đóng góp cho địa phương để đầu tư, xây dựng hạ tầng kỹ thuật và công trình phúc lợi căn cứ theo quy định tại Luật Khoáng sản và hướng dẫn của UBND tỉnh Hà Giang. Căn cứ vào Công văn số 109/BC-CT ngày 26 tháng 06 năm 2014 của Cục thuế tỉnh Hà Giang xem xét báo cáo thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc tạm dừng thực hiện thu khoản đóng góp nêu trên, Công ty đã tạm dừng trích chi phí phải đóng góp cho địa phương cho giai đoạn từ 01/01/2015 đến 31/12/2016 với tổng số tiền là 15.120.000.000 VND, đồng thời hoàn nhập số chi phí phải đóng góp cho địa phương đã được Công ty trích lập đến 31/12/2014 vào thu nhập khác là 15.750.000.000 VND. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, UBND tỉnh Hà Giang chưa đưa ra Quyết định đối với việc tạm dừng thu đối với các khoản đóng góp địa phương nêu trên. Nếu công ty ghi nhận đầy đủ khoản chi phí phải đóng góp cho địa phương theo quy định hiện hành, trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Thu nhập khác sẽ giảm đi 15.750.000.000 VND, Chi phí khác sẽ tăng lên 7.560.000.000 VND, Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế sẽ giảm đi 23.310.000.000 VND; trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Phải trả ngắn hạn khác sẽ tăng lên 30.870.000.000 VND, Lợi nhuận sau thuế lũy kế chưa phân phối đến cuối năm trước sẽ giảm đi 7.560.000.000 VND và Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay sẽ giảm đi 23.310.000.000 VND.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ:

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng có thể có của các vấn đề nêu trong đoạn ” Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Giải trình của Ban Giám đốc:

- Thứ nhất: Liên quan đến trích lập dự phòng đầu tư tài chính liên quan đến khoản đầu tư tại Công ty cổ phần Gang Thép Cao Bằng là 12.833.747.485 VND. Đến thời điểm phát hành Báo cáo tài chính kiểm toán, Công ty chưa nhận được BCTC kiểm toán của Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng do vậy Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

không đủ cơ sở để xác định số liệu trích lập dự phòng tại thời điểm 31/12/2016 cho khoản đầu tư của Công ty tại Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng. Công ty sẽ tiếp tục tiến hành trích dự phòng vào kỳ BCTC kế tiếp khi Công ty nhận được BCTC kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng.

- Thứ hai: Về việc Công ty tạm dừng trích chi phí đóng góp cho địa phương từ 01/01/2015 đến 31/12/2016 với tổng số tiền là 15.120.000.000 VND, đồng thời hoàn nhập số chi phí phải đóng góp cho địa phương đã được Công ty trích lập đến 31/12/2014 vào thu nhập khác là 15.750.000.000 VND. Trên thực tế việc triển khai việc đóng góp cho việc duy tu, xây dựng cơ sở hạ tầng gặp nhiều khó khăn và có nhiều vướng mắc nên ngày 11/06/2014, UBND tỉnh Hà Giang đã có công văn số 1726/UBND-KT giao cho Cục thuế tỉnh Hà Giang và các ngành liên quan tham mưu về hoạt động đóng góp từ khai thác khoáng sản. Ngay sau đó, ngày 29/06/2014, Cục thuế tỉnh Hà Giang và các ngành có liên quan đã có Báo cáo kiến nghị tỉnh Hà Giang tạm dừng thực hiện việc thu đóng góp từ hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh theo Quyết định 2621/2012/QĐ-UBND, ngày 03/12/2012.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Năm 2016 là năm còn nhiều khó khăn đối với hoạt động của Công ty do giá kim loại Antimon trên thị trường thế giới còn ở mức thấp và do ảnh hưởng của Luật thuế giá trị gia tăng sửa đổi, bổ sung có hiệu lực từ ngày 01/7/2016 “ Doanh nghiệp sản xuất sản phẩm là tài nguyên, khoáng sản bao gồm cả trực tiếp khai thác hoặc mua vào để chế biến có tổng giá trị tài nguyên khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản phẩm trở lên khi xuất khẩu thì thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT” đã tác động không thuận lợi đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Nhận thức được tình hình chung cũng như tình hình thực tế của Công ty, Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty đã chỉ đạo quyết liệt và giám sát chặt chẽ các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cùng với sự quyết tâm, đoàn kết của Ban giám đốc và tập thể cán bộ công nhân viên, người lao động trong Công ty đã phấn đấu hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Ban Giám đốc công ty:

Ban Giám đốc có 04 thành viên, trong đó có chức danh Giám đốc và 01 Phó Giám đốc do thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm, đây là một điều kiện thuận lợi trong việc triển khai hiệu quả Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Trong năm, Ban Giám đốc đã có nhiều giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, trình Hội đồng quản trị ban hành các quy chế để hoàn thiện công tác quản trị điều hành của Công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị tiếp tục duy trì các hoạt động thường kỳ, ít nhất mỗi quý một lần để bàn thảo về các chiến lược kinh doanh, định hướng hoạt động của Công ty.
- Chỉ đạo kịp thời và giám sát chặt chẽ Ban Giám đốc Công ty trong việc triển khai, tổ chức thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết của Hội đồng quản trị.
- Tuân thủ chặt chẽ các quy định của Điều lệ, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và các quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

V. Quản trị Công ty:

1. Hội đồng quản trị:

- Thành viên Hội đồng quản trị:

Họ và Tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
Ông Phạm Thành Đô	Chủ tịch Hội đồng quản trị	399.800	3,173
Ông Nguyễn Việt Phương	Phó chủ tịch HĐQT	0	0
Ông Ma Ngọc Tiến	TV HĐQT - GD	40.800	0,323
Ông Trịnh Ngọc Hiếu	TV HĐQT - PGD	245.200	1,946
Ông Vũ Trí Thức	TV HĐQT	0	0
Ông Nguyễn Trung Hiếu	TV HĐQT	0	0
Ông Tạ Hồng Thăng	TV HĐQT	32.400	0,257

- Các tiểu ban của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị chưa lập các tiểu ban. Thư ký Hội đồng quản trị là ông Đào Xuân Tuất đóng vai trò giúp việc cho các thành viên Hội đồng quản trị, hỗ trợ cho các thành viên Hội đồng quản trị trong công tác quản trị điều hành.

- Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2016, Hội đồng quản trị của Công ty đã tổ chức 07 cuộc họp, các cuộc họp của Hội đồng quản trị đã bám sát Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, chiến lược kinh doanh của Công ty.

ST T	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu /không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự họp
------	-----------------	---------	--	---------------------	-------	-------------------------

1	Ông Phạm Thành Đô	Chủ tịch		07	100%	
2	Nguyễn Việt Phương	P.Chủ tịch		05	100%	
3	Ma Ngọc Tiên	TVHĐQT		05	100%	
4	Ông Trịnh Ngọc Hiếu	TVHĐQT		07	100%	
5	Ông Tạ Hồng Thăng	TVHĐQT		06	85%	Sức khỏe
6	Ông Nguyễn Trung Hiếu	TVHĐQT		07	100%	
7	Ông Vũ Trí Thức	TVHĐQT		05	100%	
8	Ông Đào Xuân Tuất	TVHĐQT	22/4/2016	02	100%	
9	Lê Thanh Tuấn	TVHĐQT	22/4/2016	02	100%	

Các phiên họp thường kỳ của Hội đồng quản trị đều có sự tham dự của đại diện Ban Kiểm soát Công ty và có thư ký Hội đồng quản trị ghi lại Biên bản chi tiết nội dung họp và có Nghị quyết các cuộc họp. Cụ thể trong năm 2016, Hội đồng quản trị đã ban hành các Nghị quyết như sau:

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	Số 01/NQ-HĐQT	24/01/2016	<p>Nghị quyết phiên họp thường kỳ tháng 1 năm 2016</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thông qua báo cáo kết quả điều hành sản xuất kinh doanh năm 2015 của Ban giám đốc; 2. Thông qua báo cáo hoạt động năm 2015 của BKS; 3. Thông qua các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông năm 2016. <ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016; - Thông qua nội dung báo cáo của BGD và BKS năm 2015. - Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2015; - Tờ trình quyết toán thù lao năm 2015 và kế hoạch thù lao cho HĐQT, BKS năm 2016; - Tờ chính lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2016; <p>Giao cho BGĐ công ty chuẩn bị các nội dung liên quan để HĐQT xem xét trình Đại hội đồng cổ đông năm 2016.</p>
2	02/NQ-HĐQT	06/04/2016	<p>Nghị quyết phiên họp thường kỳ tháng 3 năm 2016</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thông qua các nội dung trình đại hội đồng cổ đông năm 2016 gồm: <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo của HĐQT nhiệm kỳ 2011 -2015 và phương hướng nhiệm kỳ 2016 -2020 - Báo cáo của BKS nhiệm kỳ 2011 -2015 và phương hướng nhiệm kỳ 2016 -2020 - Kế hoạch kinh doanh và cổ tức năm 2016 - Báo cáo tài chính năm 2015 đã kiểm toán - Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2015 - Tờ trình quyết toán thù lao năm 2015 và kế hoạch thù lao cho HĐQT, BKS năm 2016; - Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2016; <p>+ Tờ trình Nội dung sửa đổi điều lệ hoạt động</p>

3	04/NQ-HĐQT	22/04/2016	<p>Giao cho BGD công ty chuẩn bị các nội dung liên quan để HĐQT xem xét trình Đại hội đồng cổ đông năm 2016.</p> <p>2. Giới thiệu nhân sự ứng cử tham gia HĐQT công ty cổ phần khai thác, chế biến khoáng sản Hải Dương nhiệm kỳ gồm: Ông Phạm Thành Đô và Ông Vũ Thắng Bình.</p> <p>3. Giới thiệu nhân sự tham gia BKS Công ty cổ phần Khai thác, chế biến Khoáng sản Hải Dương nhiệm kỳ mới: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn – cán bộ chi nhánh Hà Nội.</p> <p>Nghị quyết phiên họp đầu tiên nhiệm kỳ 2016 -2020 về bầu chức danh HĐQT</p> <p>1. Bầu Ông Phạm Thành Đô – Giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT công ty cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang nhiệm kỳ 2016 -2020.</p> <p>2. Bầu Ông Nguyễn Việt Phương – Giữ chức vụ Phó chủ tịch HĐQT công ty cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang nhiệm kỳ 2016 -2020</p> <p>3. Bổ nhiệm Ông Đào Xuân Tuất – Giữ chức vụ Thư ký HĐQT công ty.</p> <p>Quyết định về xếp bậc lương cho Ban giám đốc và Kế toán trưởng năm 2016</p> <p>1. Ông Trịnh Ngọc Hiếu - bậc ¾</p> <p>2. Ông Đào Xuân Tuất - bậc ¾</p> <p>3. Ông Nguyễn Văn Biên – bậc ¾</p> <p>4. Ông Đỗ Khắc Hùng – bậc ¾</p> <p>V/v Khen thưởng cá nhân đạt danh hiệu thi đua năm 2015:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ông Trịnh Ngọc Hiếu – Giám đốc - Ông Đào Xuân Tuất – Phó Giám đốc - Ông Nguyễn Văn Biên – Phó giám đốc - Ông Đỗ Khắc Hùng – Kế toán trưởng <p>Bổ nhiệm ông Phạm Thành Đô – Giữ chức chủ tịch HĐQT công ty nhiệm kỳ 2016 -2020</p>
4	01/QĐ-HĐQT	01/04/2016	<p>Bổ nhiệm ông Trịnh Ngọc Hiếu -TVHĐQT</p> <p>Bổ nhiệm ông Ma Ngọc Tiến – TVHĐQT</p> <p>Bổ nhiệm ông Nguyễn Việt Phương – Giữ chức Phó chủ tịch HĐQT công ty nhiệm kỳ 2016 -2020</p>
5	02/QĐ-HĐQT	06/04/2016	<p>Bổ nhiệm ông Vũ Trí Thức – TVHĐQT</p> <p>Bổ nhiệm ông Tạ Hồng Thăng –TVHĐQT</p>

			Bổ nhiệm ông Nguyễn Trung Hiếu –TVHĐQT
6	03/QĐ-HĐQT	22/04/2016	Bổ nhiệm ông Nguyễn Ngọc Tuấn – Trưởng BKS Bổ nhiệm Bà Nguyễn Thị Lương Thanh – TVBKS Bổ nhiệm ông Nguyễn Hữu Trọng –TVBKS
7	04/QĐ-HĐQT	22/4/2016	Bổ nhiệm ông Đào Xuân Tuất –Thư ký HĐQT Về mức thù lao cho TVHĐQT, BKS, Thư ký năm 2016
8	05/QĐ-HĐQT	22/4/2016	Nghị quyết HĐQT phiên họp lần thứ 2 nhiệm kỳ 2016 - 2020
9	06/QĐ-HĐQT	22/4/2016	1. Thông qua báo cáo nhanh về kết quả SXKD 4 tháng đầu năm 2016 và nhiệm vụ tháng 5 và tháng 6 năm 2016 2. Thông qua phương án nhân sự Ban giám đốc, kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh nhiệm kỳ 2016 – 2019 và bổ nhiệm các ông vào chức danh sau:
10	07/QĐ-HĐQT	22/4/2016	1. Ông Ma Ngọc Tiến – Giám đốc công ty
11	08/QĐ-HĐQT	22/4/2016	2. Ông Trịnh Ngọc Hiếu – Phó giám đốc
12	09/QĐ-HĐQT	22/4/2016	3. Ông Đào Xuân Tuất – Phó giám đốc
13	10/QĐ –HĐQT	22/4/2016	4. Ông Nguyễn Văn Biên – Phó giám đốc
14	11/QĐ-HĐQT	22/4/2016	5. Ông Đỗ Khắc Hùng – Kế toán trưởng
15	12/QĐ-HĐQT	22/4/2016	6. Ông Vũ Thắng Bình – Giám đốc chi nhánh
16	13/QĐ-HĐQT	22/4/2016	3. Thông qua phương án thanh toán cổ tức đợt 2 năm 2015 bằng tiền mặt
17	14/QĐ-HĐQT	23/4/2016	- Tỷ lệ: 5% (500 đồng/cổ phần) - Thời gian thực hiện: trong tháng 6 năm 2016.
18	05/NQ-HĐQT	19/5/2016	Quyết định bổ nhiệm: Ông Ma Ngọc Tiến – Giám đốc công ty Bổ nhiệm ông Trịnh Ngọc Hiếu – Phó giám đốc Bổ nhiệm ông Đào Xuân Tuất – Phó giám đốc Bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Biên – Phó giám đốc Bổ nhiệm ông Đỗ Khắc Hùng – kế toán trưởng Bổ nhiệm ông Vũ Thắng Bình – Giám đốc chi nhánh Xếp bậc lương cho BGD, KTT, Giám đốc chi nhánh Hà Nội Bổ nhiệm Người đại diện theo pháp luật: Ông Ma Ngọc Tiến – Giám đốc công ty Quyết định Về việc phê duyệt kế hoạch và dự trù kinh phí cho đoàn khảo sát và tìm hiểu công nghệ khai thác, tuyển luyện kim loại antimon tại Vân Sơn, Trung Quốc.

			<p>Nghị quyết HĐQT phiên họp lần thứ 3, kỳ tháng 7 năm 2016</p> <p>1. Thông qua báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2016 và phương hướng nhiệm vụ 6 cuối năm 2016.</p> <p>Các chỉ tiêu chủ yếu 6 tháng cuối năm 2016</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sản xuất kim loại antimon: 300 tấn - Tiêu thu kim loại: 250 -300 tấn - Doanh thu bán hàng (Giá cơ sở 7.000 USD/tấn); 39 tỷ - Lợi nhuận trước thuế ước tính: 7,4 tỷ <p>2. Thông qua một số Quy chế hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ 2016 -2020;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quy chế hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ 2016 -2020; - Quy định phân cấp trong quản lý điều hành giữa HĐQT và Giám đốc Công ty, Giám đốc Chi nhánh; - Phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2016 -2020; - Quy định trình tự, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm đối với chức danh lãnh đạo – quản lý công ty cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang. <p>Ban hành quy chế hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ 2016 - 2020</p>
19	15/QĐ-HĐQT	21/5/2016	
20	16/QĐ- HĐQT	21/5/2016	
21	17/QĐ-HĐQT	21/5/2016	
22	18/QĐ-HĐQT	21/5/2016	
23	19/QĐ-HĐQT	21/5/2016	
24	20/QĐ-HĐQT	21/5/2016	
25	21/QĐ-HĐQT	21/5/2016	
26	22/QĐ-HĐQT	21/5/2016	
27	23/QĐ-HĐQT	23/6/2016	<p>Phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2016 -2020</p> <p>Quy định phân cấp quản lý giữa HĐQT và BGD công ty, Giám đốc Chi nhánh</p>
28	06/NQ-HĐQT	22/7/2016	<p>Quy định trình tự bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm đối với các chức danh lãnh đạo công ty.</p> <p>Nghị quyết HĐQT phiên họp lần thứ 4, kỳ họp tháng 10 năm 2016</p> <p>1. Thông qua báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh 9 tháng đầu năm 2016 và phương hướng nhiệm vụ 3 cuối năm 2016.</p> <p>Các chỉ tiêu chủ yếu 3 tháng cuối năm 2016</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sản xuất kim loại antimon: 200 tấn - Tiêu thu kim loại: 160 tấn - Doanh thu bán hàng (Giá cơ sở 7.800 USD/tấn); 26,4 tỷ - Lợi nhuận trước thuế ước tính: 4,5 tỷ <p>2. Thống nhất chủ trương đầu tư xây dựng lò thiêu quặng bột công nghệ mới. Giao cho Ban giám đốc xây dựng dự án đầu tư báo cáo HĐQT xem xét phê duyệt theo quy định trong tháng 11 năm 2016.</p> <p>3. Xử lý các vấn đề tài chính năm 2016.</p> <p>Ban giám đốc rà soát, có báo cáo đề xuất các vấn đề xử lý</p>

29	24/QĐ-HĐQT	01/9/2016	tài chính như sau: -Việc trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn đối với khoản đầu tư tài chính vào Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng theo quy định hiện hành.
30	25/QĐ-HĐQT	01/9/2016	- Khoản chi phí đầu tư xây dựng cơ bản của Dự án thăm dò mỏ Bó Mới-Thâm Tiềng giai đoạn I. - Việc không trích lập dự phòng các khoản phải trả, phải nộp khác năm 2016 đối với khoản đóng góp XDCSHT theo quyết định số: 2621/2012/QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2012 của tỉnh Hà Giang.
31	26/QĐ-HĐQT	01/9/2016	- Hoàn nhập khoản dự phòng đã trích lập 15,75 tỷ đồng về khoản: tiền đóng XDCSHT theo quyết định số: 2621/2012/QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2012 của tỉnh Hà Giang.
32	27/QĐ-HĐQT	01/9/2016	4. Định hướng xây dựng kế hoạch sản xuất năm 2017.
33	07/NQ-HĐQT	21/10/2016	1. Các chỉ tiêu chủ yếu năm 2017 - Khai thác quặng antimon: 5.000 tấn quặng hàm lượng BQ 14% - Bốc xúc khối lượng mỏ: 350.000 m3 - Sản xuất kim loại antimon: 500 tấn - Tiêu thụ: 550 tấn - Giá bán BQ dự kiến: 7.000 USD/tấn (đã trừ 5% thuế XK) - Doanh thu: 85 tỷ đồng - Lợi nhuận TT: 15 tỷ đồng - Cổ tức: 10% 2. Các dự án đầu tư năm 2017. - Thống nhất chủ trương đầu tư các dự án năm 2017. Giao cho Ban giám đốc Công ty lập dự án đầu tư theo quy định trình HĐQT phê duyệt

- Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không có.
- Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty: Không có.

2. Ban Kiểm soát:

- Thành viên và cơ cấu Ban Kiểm soát:

STT	Thành viên bKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu /không còn là thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự họp
1	Bà Lương Thị Tuyết	Trưởng ban	22/4/2016	02	100%	
2	Ông Văn Quốc Tân	Thành viên	22/4/2016	02	100%	
3	Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Trưởng ban		05	100%	
4	Bà Nguyễn Thị Lương Thanh	TVHĐQT		05	100%	
5	Ông Nguyễn Hữu Trọng	TVHĐQT		05	100%	

- Hoạt động của Ban kiểm soát với HĐQT, Ban giám đốc điều hành và cổ đông
 - ✓ Tổ chức họp BKS định kỳ theo quý với 100% thành viên tham gia.
 - ✓ Tham dự đầy đủ các buổi họp HĐQT với nhiều đóng góp ý kiến theo chức năng và thẩm quyền.
 - ✓ Tiến hành rà soát các quy chế quản trị nội bộ của Công ty
 - ✓ Tiến hành đi kiểm tra thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
 - ✓ Thẩm tra báo cáo tài chính 6 tháng, năm do Công ty và Công ty TNHH Deloitte kiểm toán lập.
 - ✓ Tham gia rà soát điều lệ Công ty theo luật doanh nghiệp 2014.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát:

3.1. Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích:

Đơn vị tính: VND

Stt	Thành viên	Chức danh	Thù lao	Lương, thưởng	Tổng cộng
I	Hội đồng quản trị/Ban Giám đốc				
1	Phạm Thành Đô	Chủ tịch HĐQT	60.000.000		60.000.000
2	Nguyễn Việt Phương	Phó chủ tịch HĐQT	32.000.000		32.000.000
3	Trịnh Ngọc Hiếu	Thành viên HĐQT	48.000.000	469.342.300	517.342.300
4	Nguyễn Trung Hiếu	Thành viên HĐQT	48.000.000		48.000.000
5	Tạ Hồng Thăng	Thành viên HĐQT	48.000.000		48.000.000
6	Ma Ngọc Tiến	Thành viên HĐQT	32.000.000	315.392.100	347.392.100
7	Vũ Trí Thức	Thành viên HĐQT	32.000.000		32.000.000
8	Lê Thanh Tuấn	Miễn nhiệm từ tháng 4/2016	16.000.000		16.000.000
9	Nguyễn Văn Biên			385.161.400	385.161.400
II	Ban Kiểm soát				
1	Nguyễn Ngọc Tuấn	Trưởng ban	32.000.000	211.186.005	243.186.005
2	Nguyễn Hữu Trọng	Thành viên	20.000.000	113.383.100	133.383.100
3	Nguyễn Thị Lương Thanh	Thành viên	20.000.000		20.000.000
4	Lương Thị Tuyết	Miễn nhiệm từ tháng 4/2016	16.000.000		
5	Văn Quốc Tân	Miễn nhiệm từ tháng 4/2016	10.000.000		
III	Thư ký Công ty				
1	Đào Xuân Tuất	Phó Giám đốc kiêm Thư ký Công ty	20.000.000	414.072.200	434.072.200

3.2. Giao dịch của cổ đông lớn, cổ đông nội bộ:

STT	Người thực	Quan	Số cổ phiếu sở hữu	Số cổ phiếu sở	Lý do tăng,
-----	------------	------	--------------------	----------------	-------------

	hiện giao dịch	hệ với người nội bộ	đầu kỳ		hữu cuối kỳ		giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam	Cổ đông lớn	1.001.100	7,94%	0	0	Bán
2	Vũ Thị Vui	Người liên quan	70.600	0,56%	60.900	0,483%	Bán

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có.

3.4. Thực hiện các quy định về quản trị Công ty:

Trong năm 2016, Công ty đã thực hiện nghiêm túc các quy định về quản trị Công ty, thực hiện báo cáo và công bố thông tin kịp thời về thông tin định kỳ cũng như bất thường của Công ty.

VI. Báo cáo tài chính:

1. Ý kiến kiểm toán: Báo cáo kiểm toán số: 616/VN1A-HN-BC ngày 20 tháng 03 năm 2016 của Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.
2. Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật của kế toán và kiểm toán (kèm theo).

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ KHOÁNG SẢN HÀ GIANG

Số 390 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang

Tỉnh Hà Giang, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Thành Đô	Chủ tịch
Ông Nguyễn Việt Phương	Phó Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2016)
Ông Ma Ngọc Tiến	Thành viên (bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2016)
Ông Vũ Trí Thức	Thành viên (bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2016)
Ông Trịnh Ngọc Hiếu	Thành viên
Ông Nguyễn Trung Hiếu	Thành viên
Ông Tạ Hồng Thăng	Thành viên
Ông Đào Xuân Tuất	Thành viên (miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2016)
Ông Lê Thanh Tuấn	Thành viên (miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2016)

Ban Giám đốc

Ông Ma Ngọc Tiến	Giám đốc (bổ nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2016)
Ông Trịnh Ngọc Hiếu	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2016)
	Giám đốc (miễn nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2016)
Ông Đào Xuân Tuất	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Biên	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ KHOÁNG SẢN HÀ GIANG

Số 390 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang

Tỉnh Hà Giang, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Ma Ngọc Tiến
Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2017

25
G
M
H
↓
1
=

Số: 616 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày ngày 17 tháng 3 năm 2017, từ trang 6 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)

Như trình bày tại Thuyết minh số 18 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty đã tạm dừng trích chi phí phải đóng góp cho địa phương cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 với tổng số tiền là 15.120.000.000 VND, đồng thời hoàn nhập số chi phí phải đóng góp cho địa phương đã được Công ty trích lập đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 vào thu nhập khác trong năm 2016 với số tiền là 15.750.000.000 VND. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, UBND tỉnh Hà Giang chưa đưa ra quyết định đối với việc tạm dừng thu đối với các khoản đóng góp địa phương nêu trên. Nếu Công ty ghi nhận đầy đủ khoản chi phí phải đóng góp cho địa phương theo quy định hiện hành, trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Thu nhập khác sẽ giảm đi 15.750.000.000 VND, Chi phí khác sẽ tăng lên 7.560.000.000 VND, Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế sẽ giảm đi 23.310.000.000 VND; trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Phải trả ngắn hạn khác sẽ tăng lên 30.870.000.000 VND, Lợi nhuận sau thuế lũy kế chưa phân phối đến cuối năm trước sẽ giảm đi 7.560.000.000 VND và Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay sẽ giảm đi 23.310.000.000 VND.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng có thể có của các vấn đề nêu trong đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo kiểm toán độc lập này được phát hành để thay thế cho Báo cáo kiểm toán độc lập số 483/VN1A-HN-BC ngày 06 tháng 3 năm 2017 nhằm trình bày thêm thông tin về ảnh hưởng của vấn đề nêu trong đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ".



Đặng Chí Dũng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 0030-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 20 tháng 3 năm 2017

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Anh Tuấn

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 1472-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		133.503.312.272	132.389.564.490
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	45.186.541.362	99.710.404.514
1. Tiền	111		8.436.871.362	29.702.534.792
2. Các khoản tương đương tiền	112		36.749.670.000	70.007.869.722
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		62.800.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7	62.800.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.051.382.908	5.424.767.472
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	237.386.988	4.261.184.691
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.596.792.482	1.218.592.482
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	1.943.444.291	671.231.152
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(726.240.853)	(726.240.853)
IV. Hàng tồn kho	140	11	20.605.751.958	25.173.030.895
1. Hàng tồn kho	141		20.605.751.958	25.173.030.895
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.859.636.044	2.081.361.609
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	92.405.015	98.160.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.679.579.388	1.983.201.609
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	87.651.641	-

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		116.814.576.053	142.675.649.337
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.461.211.296	1.704.253.453
1. Phải thu dài hạn khác	216	9	1.461.211.296	1.704.253.453
II. Tài sản cố định	220		35.087.785.299	43.509.238.978
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	6.886.671.704	11.715.459.792
- Nguyên giá	222		44.269.308.055	43.998.952.857
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(37.382.636.351)	(32.283.493.065)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	28.201.113.595	31.793.779.186
- Nguyên giá	228		46.168.552.193	46.168.552.193
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(17.967.438.598)	(14.374.773.007)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		9.149.450.793	13.034.841.998
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	16	9.149.450.793	13.034.841.998
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	7	69.893.032.755	82.726.780.240
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		12.756.900.240	12.756.900.240
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		69.969.880.000	69.969.880.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(12.833.747.485)	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.223.095.910	1.700.534.668
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	1.223.095.910	1.700.534.668
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		250.317.888.325	275.065.213.827

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		38.218.860.996	72.071.442.629
I. Nợ ngắn hạn	310		24.571.668.114	57.738.083.183
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	1.579.768.503	4.696.817.882
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	16.866.950.784	20.454.408.692
3. Phải trả người lao động	314		2.430.992.500	2.634.630.300
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		293.050.732	291.410.732
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	433.197.167	28.184.197.535
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.967.708.428	1.476.618.042
II. Nợ dài hạn	330		13.647.192.882	14.333.359.446
1. Phải trả dài hạn khác	337		9.000.000	477.719.064
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	19	13.638.192.882	13.855.640.382
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		212.099.027.329	202.993.771.198
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	212.099.027.329	202.993.771.198
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		126.000.000.000	126.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		126.000.000.000	126.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.500.000.000	4.500.000.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(42.833.907.079)	(42.833.907.079)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		107.025.722.491	107.025.722.491
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.103.464.642	1.103.464.642
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		16.303.747.275	7.198.491.144
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		769.074.839	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		15.534.672.436	7.198.491.144
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		250.317.888.325	275.065.213.827



Hoàng Lê Khanh
Người lập biểu

Ngày 20 tháng 3 năm 2017



Đỗ Khắc Hùng
Kế toán trưởng



Ma Ngọc Tiến
Giám đốc

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng	01		87.543.607.434	85.183.276.194
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	10	21	87.543.607.434	85.183.276.194
4. Giá vốn hàng bán	11	22	59.747.593.618	55.157.687.340
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20 = 10 - 11)	20		27.796.013.816	30.025.588.854
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	6.702.885.771	6.190.802.284
7. Chi phí tài chính	22	25	13.112.251.565	55.789.745
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7.388.889	-
8. Chi phí bán hàng	25	27	1.392.381.428	1.299.183.942
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	10.836.732.573	11.874.169.501
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		9.157.534.021	22.987.247.950
11. Thu nhập khác	31		15.950.984.822	321.721.720
12. Chi phí khác	32		7.618.445.865	1.129.053.879
13. Lãi/(Lỗ) khác (40 = 31 - 32)	40	26	8.332.538.957	(807.332.159)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		17.490.072.978	22.179.915.791
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	604.559.461	1.561.041.888
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		16.885.513.517	20.618.873.903
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	1.303	1.598

Hoàng Lê Khanh
Người lập biểu

Đỗ Khắc Hùng
Kế toán trưởng



Mã Ngọc Tiến
Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	17.490.072.978	22.179.915.791
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	8.691.808.877	9.423.524.515
- Các khoản dự phòng	03	12.833.747.485	-
- (Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(222.588.164)	(2.225.894.992)
- Lỗ/(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	196.538.753	(3.966.395.908)
- Chi phí lãi vay	06	7.388.889	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	38.996.968.818	25.411.149.406
- Thay đổi các khoản phải thu	09	4.097.633.951	705.661.729
- Thay đổi hàng tồn kho	10	4.333.824.952	(513.192.689)
- Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(23.627.157.093)	14.077.199.940
- Thay đổi chi phí trả trước	12	483.193.743	457.919.519
- Tiền lãi vay đã trả	14	(7.388.889)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(802.830.887)	(1.834.984.083)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	2.421.199.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(328.807.000)	(23.610.006.508)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	23.145.437.595	17.114.946.314
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2.786.905.368)	(408.729.642)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	147.636.363
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(62.800.000.000)	-
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(17.934.999.600)
5. Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.215.060.957	5.658.107.545
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(60.371.844.411)	(12.537.985.334)

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(24.732.286.775)
2. Tiền thu từ đi vay	33	2.000.000.000	-
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(2.000.000.000)	-
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(17.520.044.500)	(5.960.360.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(17.520.044.500)	(30.692.646.775)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(54.746.451.316)	(26.115.685.795)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	99.710.404.514	123.600.195.317
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	222.588.164	2.225.894.992
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	45.186.541.362	99.710.404.514



Hoàng Lê Khanh
Người lập biểu



Đỗ Khắc Hùng
Kế toán trưởng



Ma Ngọc Tiên
Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang (gọi tắt là "Công ty"), tiền thân là Xí nghiệp Cơ khí Hà Giang được hợp nhất với Công ty Khai thác Chế biến Khoáng sản Hà Giang thành Công ty Cơ khí và Khai thác Khoáng sản Hà Giang theo Quyết định số 604/QĐ-UB ngày 09 tháng 8 năm 1995 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Giang. Theo Quyết định số 2050/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Giang, Công ty Cơ khí và Khai thác Khoáng sản Hà Giang được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang. Công ty cổ phần chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01 tháng 3 năm 2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1003000027 ngày 28 tháng 02 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Giang cấp và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ 7 ngày 03 tháng 6 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Giang cấp.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 126.000.000.000 VND. Trong đó vốn góp Nhà nước là 58.762.800.000 VND, chiếm 46,64% vốn điều lệ.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 172 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 188).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công ty hoạt động trong ngành khai thác và chế biến khoáng sản. Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Khai thác quặng sắt;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Khai thác quặng, kim loại quý hiếm.

Hoạt động chính của Công ty là khai thác và chế biến quặng antimony.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Cấu trúc Công ty bao gồm văn phòng chính của Công ty đặt tại Hà Giang, văn phòng chi nhánh đặt tại Hà Nội, phân xưởng khai thác và phân xưởng luyện antimony đặt tại Hà Giang.

Công ty có một công ty liên kết là Công ty Cổ phần Khai thác Chế biến Khoáng sản Hải Dương.

00
T
H
T
V
T

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Như đã trình bày ở Thuyết minh số 5, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được trình bày lại theo quyết định điều chỉnh hồi tố của Ban Giám đốc.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC ("Thông tư 53") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

C.T. ...
HẠN
E
A
HÀ NG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ 3 tháng trở lên.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm nay
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc, thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình bao gồm giá trị quyền sử dụng đất tại đường Trần Phú và đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, chi phí đầu tư nghiên cứu thăm dò điểm quặng antimony (bản quyền khai thác mỏ antimony), bản quyền bằng sáng chế - Đề tài Chì - Kẽm, quyền khai thác khoáng sản.

Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Theo Quyết định số 2623/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2009 của UBND tỉnh Hà Giang, Công ty sẽ được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng 130.940,7 m² đất tại xã Mậu Duệ, huyện Yên Minh để khai thác quặng antimony với thời hạn sử dụng đất là 30 năm kể từ ngày 27 tháng 12 năm 1996. Chi phí để có quyền sử dụng đất được đánh giá là không đáng kể.

Theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 3940/QĐ/ĐCKS ("Giấy phép") ngày 27 tháng 12 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương), Công ty được cấp quyền khai thác khoáng sản tại Xã Mậu Duệ, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang trong vòng 30 năm kể từ ngày ký Giấy phép. Quyền khai thác khoáng sản được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của Quyền khai thác khoáng sản bao gồm tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp theo Quyết định số 3068/QĐ-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc "Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản Quặng antimony tại mỏ Mậu Duệ, xã Mậu Duệ, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang", chi phí hoàn nguyên môi trường ước tính phải bỏ ra sau khi kết thúc khai thác và toàn bộ các chi phí liên quan khác để có được Giấy phép khai thác khoáng sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Tài sản cố định vô hình và khấu hao (Tiếp theo)**

Quyền khai thác khoáng sản được Công ty khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 11,5 năm, trong khi chi phí hoàn nguyên môi trường được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian còn lại của Giấy phép khai thác khoáng sản tính từ khi ghi nhận chi phí hoàn nguyên môi trường.

Các tài sản cố định vô hình còn lại được Công ty khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 - 5 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng tại Hà Nội và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền thuê văn phòng tại Hà Nội đã được trả trước. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chi phí hoàn nguyên môi trường

Theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 3940/QĐ/ĐCKS ("Giấy phép") ngày 27 tháng 12 năm 1996, Công ty có nghĩa vụ thực hiện việc đóng cửa mỏ, phục hồi nguyên trạng mặt bằng đất và môi trường của mỏ tại xã Mậu Duệ, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang vào thời điểm kết thúc thời hạn khai thác. Công ty đã thực hiện lập dự phòng cho chi phí hoàn nguyên môi trường nêu trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Vốn - Quỹ**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu. Giá trị cổ phiếu quỹ được phản ánh theo giá thực tế mua lại bao gồm giá mua lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua lại cổ phiếu. Quỹ đầu tư phát triển và quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế hàng năm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông của Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty đang được hưởng ưu đãi thuế theo quy định tại Thông tư số 134/2007/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2007 của Bộ Tài chính (nay được thay thế bằng Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 và Thông tư số 123/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 7 năm 2012 của Bộ Tài chính) và Công văn số 3654/TCT-CS ngày 30 tháng 9 năm 2008 của Tổng Cục thuế. Theo đó, Công ty được áp dụng mức thuế suất ưu đãi là 10% trong 15 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh, được miễn thuế trong 04 năm kể từ khi có lãi và được giảm 50% trong 09 năm tiếp theo.

Năm 2009 là năm thứ tư Công ty hoạt động liên tục có lãi từ sau khi cổ phần hóa và được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, theo Công văn số 555/CT-KTT ngày 31 tháng 7 năm 2009 của Cục thuế tỉnh Hà Giang, năm 2007 là năm cuối cùng Công ty được hưởng ưu đãi miễn thuế; từ năm 2008 trở đi Công ty sẽ bắt đầu áp dụng ưu đãi giảm 50% số thuế phải nộp với mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10%. Do chưa có sự thống nhất về ưu đãi thuế nêu trên nên Công ty đã tính và kê khai thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo quy định của Công văn số 555/CT-KTT.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Theo Nghị quyết số 712/2013/UBTVQH13 ngày 16 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, thuế suất thuế tài nguyên khai thác quặng antimony áp dụng từ ngày 01 tháng 02 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 18%. Từ ngày 01 tháng 7 năm 2016, theo Nghị quyết số 1084/2015/UBTVQH13 ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, thuế suất thuế tài nguyên khai thác quặng antimony là 20%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Thuế (Tiếp theo)**

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ

Trong năm, Ban Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố chi phí liên quan đến giao dịch bán lại dự án khai thác mỏ Chì - Kẽm cho đối tác khác với số tiền là 468.719.064 VND do chưa được ghi nhận vào báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được trình bày lại như sau:

Chi tiêu	Mã số	Tại ngày 31/12/2015		
		Số đã báo cáo	Điều chỉnh	Số trình bày lại
		VND	VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ				
Phải trả dài hạn khác	313	9.000.000	468.719.064	477.719.064
VỐN CHỦ SỞ HỮU				
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	7.667.210.208	(468.719.064)	7.198.491.144
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b	7.667.210.208	(468.719.064)	7.198.491.144

6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	612.017.188	741.388.706
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.824.854.174	28.961.146.086
Các khoản tương đương tiền (i)	36.749.670.000	70.007.869.722
	45.186.541.362	99.710.404.514

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ KHOÁNG SẢN HÀ GIANG

Số 390 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang
Tỉnh Hà Giang, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	62.800.000.000	-	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại	62.800.000.000	-	-	-
Đầu tư vào công ty liên kết	12.756.900.240	-	12.756.900.240	-
Công ty Cổ phần Khai thác Chế biến Khoáng sản Hải Dương (i)	12.756.900.240	-	12.756.900.240	-
Đầu tư vào đơn vị khác	69.969.880.000	(12.833.747.485)	69.969.880.000	-
Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng (ii)	69.469.880.000	(12.833.747.485)	69.469.880.000	-
Quỹ đầu tư, phát triển đất và bảo lãnh tín dụng tỉnh Hà Giang	500.000.000	-	500.000.000	-

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty sở hữu 613.116 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ sở hữu 35,7% vốn điều lệ của Công ty Khai thác Chế biến Khoáng sản Hải Dương.

(ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty sở hữu 4.166.988 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ sở hữu 9,69% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng.

Tại ngày phát hành báo cáo tài chính này, Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng. Ban Giám đốc đã trích lập dự phòng đầu tư tài chính cho khoản đầu tư này căn cứ vào Báo cáo tài chính chưa được soát xét cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng.

Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cần được trình bày. Các khoản đầu tư của công ty bao gồm đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư dài hạn khác, do các công ty này chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán, đồng thời Công ty cũng không thể thu thập được các thông tin đáng tin cậy để xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư, do đó, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 chưa thể xác định được để trình bày trên phần Thuyết minh báo cáo tài chính theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản và Thương mại VQB	-	4.000.000.000
Phải thu các khách hàng khác	237.386.988	261.184.691
Cộng	237.386.988	4.261.184.691

9. PHẢI THU KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a. Ngắn hạn	1.943.444.291	671.231.152
- Tạm ứng cho nhân viên	376.153.709	378.904.834
- Lãi tiền gửi dự thu	1.411.384.397	146.147.747
- Phải thu khác	155.906.185	146.178.571
b. Dài hạn	1.461.211.296	1.704.253.453
- Ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường các mỏ	1.285.770.896	1.528.813.053
- Các khoản đặt cọc	175.440.400	175.440.400
Cộng	3.404.655.587	2.375.484.605

10. NỢ XẤU

	<u>Số cuối năm</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	Giá gốc (VND)	Giá trị có thể thu hồi (VND)	Thời gian quá hạn	Giá gốc (VND)	Giá trị có thể thu hồi (VND)	Thời gian quá hạn
Doanh nghiệp tư nhân Xí nghiệp Xây lắp Thành Đồng	202.440.273	-	Trên 3 năm	202.440.273	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH Hạ Long	455.840.600	-	Trên 3 năm	455.840.600	-	Trên 3 năm
Khách hàng khác	67.959.980	-	Trên 3 năm	67.959.980	-	Trên 3 năm
	726.240.853	-		726.240.853	-	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.649.357.749	-	2.040.313.203	-
Công cụ, dụng cụ	329.869.497	-	556.917.598	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	-	2.482.033.593	-
Thành phẩm	16.626.524.712	-	20.093.766.501	-
Cộng	20.605.751.958	-	25.173.030.895	-

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn	92.405.015	98.160.000
Chi phí thuê văn phòng	92.405.015	98.160.000
b. Dài hạn	1.223.095.910	1.700.534.668
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.223.095.910	1.700.534.668
Cộng	1.315.500.925	1.798.694.668

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ KHOÁNG SẢN HÀ GIANG

Số 390 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang

Tỉnh Hà Giang, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DNBan hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ										
Số dư đầu năm	18.125.700.533	19.682.767.258	5.665.326.866	525.158.200	43.998.952.857					
Mua trong năm	-	101.452.100	-	-	101.452.100					
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	168.903.098	-	-	-	168.903.098					
Số dư cuối năm	18.294.603.631	19.784.219.358	5.665.326.866	525.158.200	44.269.308.055					
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ										
Số dư đầu năm	13.073.529.066	14.435.303.455	4.299.934.400	474.726.144	32.283.493.065					
Khấu hao trong năm	2.222.379.618	2.178.331.893	663.715.211	34.716.564	5.099.143.286					
Số dư cuối năm	15.295.908.684	16.613.635.348	4.963.649.611	509.442.708	37.382.636.351					
GIÁ TRỊ CÒN LẠI										
Tại ngày đầu năm	5.052.171.467	5.247.463.803	1.365.392.466	50.432.056	11.715.459.792					
Tại ngày cuối năm	2.998.694.947	3.170.584.010	701.677.255	15.715.492	6.886.671.704					

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 15.454.747.480 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 12.099.945.395 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ KHOÁNG SẢN HÀ GIANGSố 390 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang
Tỉnh Hà Giang, CHXHCN Việt Nam**MẪU SỐ B 09-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất	Quyền khai thác khoáng sản	Bản quyền, bằng sáng chế	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	2.827.595.455	22.723.027.000	380.554.359	20.237.375.379	46.168.552.193
Số dư cuối năm	2.827.595.455	22.723.027.000	380.554.359	20.237.375.379	46.168.552.193
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	560.481.791	7.522.885.000	380.554.359	5.910.851.857	14.374.773.007
Khấu hao trong năm	124.207.460	2.171.448.000	-	1.297.010.131	3.592.665.591
Số dư cuối năm	684.689.251	9.694.333.000	380.554.359	7.207.861.988	17.967.438.598
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	2.267.113.664	15.200.142.000	-	14.326.523.522	31.793.779.186
Tại ngày cuối năm	2.142.906.204	13.028.694.000	-	13.029.513.391	28.201.113.595

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 2.697.435.901 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 2.697.435.901 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ KHOÁNG SẢN HÀ GIANGSố 390 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang
Tỉnh Hà Giang, CHXHCN Việt Nam**MẪU SỐ B 09-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm		Số phải nộp/ thu trong năm	Số đã thực nộp/ thu trong năm		Số cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp		Phải thu	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	-	-	50.173.587	48.199.649	-	-	1.973.938
- Thuế xuất khẩu được hoàn	-	-	23.492.927	23.492.927	-	-	-
- Thuế thu nhập cá nhân được hoàn	-	-	62.012.450	62.012.450	-	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	110.619.785	604.559.461	802.830.887	87.651.641	-	-
- Thuế thu nhập cá nhân	-	29.921.007	625.411.491	645.943.416	-	-	9.389.082
- Thuế xuất khẩu	-	-	1.580.521.019	1.580.521.019	-	-	-
- Thuế tài nguyên	-	1.868.846.400	7.667.750.700	8.931.439.800	-	-	605.157.300
- Phí bảo vệ môi trường	-	64.890.500	444.664.200	467.807.236	-	-	41.747.464
- Thuế môn bài	-	-	5.000.000	5.000.000	-	-	-
- Tiền thuế đất	-	-	246.858.500	246.858.500	-	-	-
- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (i)	-	18.380.131.000	-	2.171.448.000	-	-	16.208.683.000
Cộng	-	20.454.408.692	11.310.444.335	14.985.553.884	87.651.641	16.866.950.784	

(i) Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp theo Quyết định số 3068/QĐ-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc "Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản Quặng antimony tại mỏ Mậu Duệ, xã Mậu Duệ, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang". Số dư tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 thể hiện số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản còn phải nộp từ năm 2017 đến năm 2022 là 13.028.694.000 VND (mỗi năm phải nộp số tiền là 2.171.448.000 VND) và số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp cho phần trữ lượng đã khai thác từ ngày 01 tháng 7 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 3.179.989.000 VND (Nhà nước tạm thời chưa thu theo Văn bản số 723/TTg-KTN ngày 21 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
- Dự án Thăm dò nâng cấp trữ lượng mỏ antimony Mậu Duệ	5.106.059.689	4.456.059.689
- Dự án Nhà máy tuyển quặng antimony Mậu Duệ (i)	1.703.504.827	1.697.304.827
- Dự án Mở rộng và nâng cấp bãi thải số 1, mỏ antimony Mậu Duệ - Hạng mục Đập thượng lưu (ii)	2.012.333.268	-
- Dự án Xây dựng trụ sở văn phòng Công ty	174.360.909	174.360.909
- Dự án thăm dò quặng antimony mỏ Bó Mới - Thâm Tiềng giai đoạn I (iii)	-	6.676.836.360
- Khác	153.192.100	30.280.213
Cộng	<u>9.149.450.793</u>	<u>13.034.841.998</u>

- (i) Dự án Đầu tư xây dựng nhà máy tuyển quặng antimony Mậu Duệ nhằm tận dụng quặng còn sót lại tại bãi thải có hàm lượng thấp (bình quân 1%) để tận thu nhằm bổ sung thêm nguyên liệu cho nhà máy luyện antimony. Dự án đang trong giai đoạn lập hồ sơ, nghiên cứu, thiết kế ban đầu.
- (ii) Dự án Mở rộng và nâng cấp bãi thải số 1, mỏ antimony Mậu Duệ - Hạng mục Đập thượng lưu là công trình do Công ty tự thực hiện nhằm mở rộng khu vực chứa chất thải từ quá trình khai thác antimony.
- (iii) Đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, Dự án thăm dò quặng antimony mỏ Bó Mới - Thâm Tiềng đã kết thúc mà chưa tìm thấy thân quặng antimony. Ban Giám đốc Công ty đã quyết định kết chuyển toàn bộ số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Dự án này vào chi phí trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
	<u>VND</u>		<u>VND</u>	
- Công ty TNHH Thuận An	250.798.900	250.798.900	342.599.160	342.599.160
- Công ty TNHH Một thành viên Hùng Ngọc	1.156.222.573	1.156.222.573	4.098.800.768	4.098.800.768
- Phải trả các đối tượng khác	172.747.030	172.747.030	255.417.954	255.417.954
Cộng	<u>1.579.768.503</u>	<u>1.579.768.503</u>	<u>4.696.817.882</u>	<u>4.696.817.882</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	121.500.000	228.000.000
Đóng góp cho địa phương (i)	-	15.750.000.000
Cổ tức phải trả	-	11.920.720.000
Phải trả, phải nộp khác	311.697.167	285.477.535
Cộng	433.197.167	28.184.197.535

- (i) Số tiền phải nộp theo quy định tại Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ban hành ngày 17 tháng 11 năm 2010 và hướng dẫn tại Quyết định số 2621/2012/QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Giang về việc quy định tạm thời mức đóng góp từ hoạt động khai thác khoáng sản để đầu tư nâng cấp, duy tu, xây dựng hạ tầng kỹ thuật và xây dựng công trình phúc lợi trên địa bàn tỉnh Hà Giang ("Quyết định 2621").

Căn cứ vào Báo cáo tư vấn của luật sư đánh giá về tính pháp lý của Quyết định 2621 và Công văn số 109/BC-CT ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Cục thuế tỉnh Hà Giang về việc đề nghị Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Giang xem xét báo cáo thường trực Hội đồng Nhân dân tỉnh tạm dừng thực hiện thu khoản tiền nêu trên, Công ty đã tạm dừng trích chi phí phải đóng góp cho địa phương cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 với tổng số tiền là 15.120.000.000 VND, đồng thời hoàn nhập số chi phí phải đóng góp cho địa phương đã được Công ty trích lập đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 vào thu nhập khác trong năm 2016 với số tiền là 15.750.000.000 VND. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, UBND tỉnh Hà Giang chưa đưa ra quyết định đối với việc tạm dừng thu đối với các khoản đóng góp địa phương nêu trên.

Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng Hội đồng Nhân dân tỉnh Hà Giang sẽ đồng ý với kiến nghị tại Công văn số 109/BC-CT và Công ty sẽ không phải nộp khoản đóng góp cho địa phương nói trên.

19. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí hoàn nguyên môi trường (i)	13.638.192.882	13.855.640.382
Cộng	13.638.192.882	13.855.640.382
Chi tiết:		
<i>Dự phòng phải trả ngắn hạn</i>	-	-
<i>Dự phòng phải trả dài hạn</i>	13.638.192.882	13.855.640.382

- (i) Dự phòng phải trả dài hạn gồm chi phí hoàn nguyên môi trường ước tính mà Công ty phải bỏ ra sau khi kết thúc khai thác khoáng sản để cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ KHOÁNG SẢN HÀ GIANG

Số 390 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang

Tỉnh Hà Giang, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DNBan hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***20. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng		
Số dư đầu năm trước	126.000.000.000	4.500.000.000	(18.101.620.304)	1.103.464.642	104.186.124.012	10.724.456.798	228.412.425.148		
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	20.618.873.903	20.618.873.903		
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	2.839.598.479	(2.839.598.479)	-		
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(24.732.286.775)	-	-	-	(24.732.286.775)		
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(2.955.442.014)	(2.955.442.014)		
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(17.881.080.000)	(17.881.080.000)		
Số dư đầu năm nay như trình bày trong báo cáo năm trước	126.000.000.000	4.500.000.000	(42.833.907.079)	1.103.464.642	107.025.722.491	7.667.210.208	203.462.490.262		
Điều chỉnh hồi tố (i)	-	-	-	-	-	(468.719.064)	(468.719.064)		
Số dư đầu năm nay được trình bày lại	126.000.000.000	4.500.000.000	(42.833.907.079)	1.103.464.642	107.025.722.491	7.198.491.144	202.993.771.198		
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	16.885.513.517	16.885.513.517		
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (ii)	-	-	-	-	-	(1.819.897.386)	(1.819.897.386)		
Chia cổ tức (ii)	-	-	-	-	-	(5.960.360.000)	(5.960.360.000)		
Số dư cuối năm nay	126.000.000.000	4.500.000.000	(42.833.907.079)	1.103.464.642	107.025.722.491	16.303.747.275	212.099.027.329		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

- (i) Như đã trình bày ở Thuyết minh số 5, do ảnh hưởng của điều chỉnh hồi tố, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 giảm đi 468.719.064 VND và số dư phải trả dài hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 tăng lên một khoản tương ứng.
- (ii) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 03/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2016 đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2015 như sau:
- Trả cổ tức bằng tiền là 17.881.080.000 VND, trong đó đã hạch toán vào báo cáo tài chính năm 2015 là 11.920.720.000 VND, hạch toán vào báo cáo tài chính năm nay là 5.960.360.000 VND;
 - Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền 1.500.000.000 VND, trong đó đã hạch toán vào báo cáo tài chính năm 2015 là 1.030.943.695 VND, hạch toán vào báo cáo tài chính năm nay là 469.056.305 VND. Bên cạnh đó, Công ty thực hiện tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2016 với số tiền là 1.350.841.081 VND, tương đương với 8% lợi nhuận sau thuế năm 2016. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng số tiền tạm trích này sẽ được phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2017.

Số lượng cổ phiếu

Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.600.000	12.600.000
+ Cổ phiếu phổ thông	12.600.000	12.600.000
- Số lượng cổ phiếu quỹ	679.280	679.280
+ Cổ phiếu phổ thông	679.280	679.280
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.920.720	11.920.720
+ Cổ phiếu phổ thông	11.920.720	11.920.720

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 7 ngày 3 tháng 6 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Giang cấp, vốn điều lệ của Công ty là 126.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, vốn điều lệ của Công ty đã được góp đủ, chi tiết như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số tiền (VND)	Tỷ lệ (%)	Số tiền (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	58.762.800.000	46,64%	58.762.800.000	46,64%
Cổ đông nội bộ (thành viên HĐQT, BGD, BKS và KTT)	1.252.300.000	0,99%	10.372.000.000	8,23%
Công ty Cổ phần Khoáng sản Đông Dương	4.000.000.000	3,17%	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính BIDV	-	-	10.011.000.000	7,95%
Cổ phiếu quỹ	6.792.800.000	5,40%	6.792.800.000	5,39%
Các cổ đông khác	55.192.100.000	43,80%	40.061.400.000	31,79%
Tổng cộng	126.000.000.000	100%	126.000.000.000	100%

21. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán kim loại antimony	87.543.607.434	85.183.276.194
	87.543.607.434	85.183.276.194

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn khai thác và chế biến kim loại antimony	59.747.593.618	55.157.687.340
	59.747.593.618	55.157.687.340

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	13.528.435.831	12.449.133.311
Chi phí nhân công	20.456.241.652	20.350.172.002
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.691.808.877	9.423.524.515
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.721.379.153	14.931.896.655
Chi phí khác bằng tiền	13.641.689.427	11.902.302.610
	66.039.554.941	69.057.029.093

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi	4.640.949.607	2.738.675.292
Cổ tức	1.839.348.000	1.226.232.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	222.588.164	2.225.894.992
	6.702.885.771	6.190.802.284

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	12.833.747.485	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	271.115.191	55.789.745
Lãi tiền vay	7.388.889	-
	13.112.251.565	55.789.745

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. LÃI/(LỖ) KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thu nhập khác (i)	15.950.984.822	321.721.720
	15.950.984.822	321.721.720
Chi phí khác (ii)	7.618.445.865	1.129.053.879
	7.618.445.865	1.129.053.879
Lãi/(Lỗ) khác	8.332.538.957	(807.332.159)

(i) Như trình bày tại Thuyết minh số 18, Ban Giám đốc Công ty đã quyết định hoàn nhập số chi phí phải đóng góp cho địa phương đã được Công ty trích lập đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 vào thu nhập khác trong năm 2016 với số tiền là 15.750.000.000 VND.

(ii) Như trình bày tại Thuyết minh số 16, Ban Giám đốc Công ty đã quyết định kết chuyển toàn bộ số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Dự án thăm dò quặng antimony mỏ Bó Mới - Thâm Tiêng giai đoạn I vào chi phí trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 với số tiền là 6.676.836.360 VND.

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
- Chi phí nhân viên quản lý	6.113.527.503	6.711.753.233
- Chi phí khấu hao	729.767.328	1.437.342.062
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	711.490.328	1.956.648.395
- Chi phí bằng tiền khác	1.626.745.621	968.402.232
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.655.201.793	800.023.579
	10.836.732.573	11.874.169.501
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.252.223.705	1.130.422.822
- Chi phí bán hàng khác	140.157.723	168.761.120
	1.392.381.428	1.299.183.942

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	17.490.072.978	22.179.915.791
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(17.811.936.164)	(2.676.583.786)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	11.282.373.412	2.703.777.324
Thu nhập chịu thuế	10.960.510.226	22.207.109.329
<i>Trong đó:</i>		
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chính	15.566.899.815	19.556.012.735
(Lỗ)/Lãi từ hoạt động kinh doanh khác (i)	(4.606.389.589)	2.651.096.594
Thuế suất (ii)	10% và 20%	10% và 22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.096.051.023	2.538.842.524
<i>Ưu đãi giảm thuế</i>		
Ưu đãi giảm 50% thuế cho hoạt động kinh doanh chính	(548.025.511)	(977.800.636)
Truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp (iii)	56.533.949	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	604.559.461	1.561.041.888

- (i) Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh khác không được hưởng ưu đãi miễn, giảm thuế theo các quy định hiện hành về thuế thu nhập doanh nghiệp.
- (ii) Theo Luật số 32/2013/QH13 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn liên quan, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016, Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% đối với lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh khác.
- (iii) Số thuế thu nhập doanh nghiệp truy thu theo Quyết định của Cục thuế tỉnh Hà Giang về việc thanh tra thuế năm 2015 tại Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Đơn vị	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	VND	16.885.513.517	20.618.873.903
Trích quỹ Khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	VND	1.350.841.081	1.500.000.000
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND	15.534.672.436	19.118.873.903
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	Cổ phiếu	11.920.720	11.963.887
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND/Cổ phiếu	1.303	1.598

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 20, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 03/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2016 đã thông qua phương án trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2015 của Công ty, dẫn đến việc trình bày lại lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, cụ thể như sau:

	Đơn vị	Năm trước	
		Số đã báo cáo	Số trình bày lại
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	VND	20.618.873.903	20.618.873.903
Trích quỹ Khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	VND	1.030.943.695	1.500.000.000
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND	19.587.930.208	19.118.873.903
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	Cổ phiếu	11.963.887	11.963.887
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND/Cổ phiếu	1.637	1.598

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

30. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	564.180.944	572.162.184

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	231.025.455	245.400.000

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê 80 m² tại tòa nhà Prime Centre, số 53 Quang Trung, Hai Bà Trưng, Hà Nội. Hợp đồng thuê văn phòng được ký với thời hạn 01 năm và được gia hạn hàng năm.

31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	Quản lý, điều hành Công ty
Công ty Cổ phần Khai thác Chế biến Khoáng sản Hải Dương	Công ty liên kết

Trong năm, Công ty có giao dịch với bên liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Cổ tức được chia từ Công ty Cổ phần Khai thác Chế biến Khoáng sản Hải Dương	1.839.348.000	3.065.580.000

Y
JH
E
V
HÀ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Thu nhập Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Hội đồng Quản trị	1.198.806.600	1.784.190.300
Ban Giám đốc	1.187.645.400	1.863.895.500



Hoàng Lê Khanh
Người lập biểu



Đỗ Khắc Hùng
Kế toán trưởng



Ma Ngọc Tiến
Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2017

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

GIÁM ĐỐC



Ma Ngọc Tiến